



PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (4 NĂM)  
(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC 1)

Ngành: **DIGITAL MARKETING**  
Bậc: **ĐẠI HỌC**  
Loại hình đào tạo **Đào tạo từ xa**  
Khóa: **2025-2029**

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành Digital Marketing được ban hành theo Quyết định số 3699...../QĐ-ĐHHS của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen, ký ngày 29/10/2025.)

**NĂM 1**

**HỌC KỲ 1**

| STT              | MSHP        | Tên học phần<br>tiếng Việt | Tên học phần<br>tiếng Anh   | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước |
|------------------|-------------|----------------------------|-----------------------------|------------|-----------------|----------------|
| 1                | DC140DL01   | Triết học Mác-Lênin        | Marxist-Leninist Philosophy | 3          | 45              |                |
| 2                | GLAW101DL01 | Pháp luật đại cương        | Introduction to Law         | 3          | 45              |                |
| 3                | BA104DL01   | Quản trị học               | Introduction to Management  | 3          | 45              |                |
| 4                | BA103DL01   | Đạo đức kinh doanh         | Business Ethics             | 3          | 45              |                |
| <b>Tổng cộng</b> |             |                            |                             | <b>12</b>  | <b>180</b>      |                |

**HỌC KỲ 2**

| STT              | MSHP                          | Tên học phần<br>tiếng Việt          | Tên học phần<br>tiếng Anh          | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước |
|------------------|-------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|------------|-----------------|----------------|
| 1                | DC141DL01                     | Kinh tế chính trị Mác-Lênin         | Marxist-Leninist Political Economy | 2          | 30              |                |
| 2                | MIS215DL01                    | Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế | Information Technology in Business | 3          | 45              |                |
| 3                | BA101DL01                     | Kinh tế Vi mô                       | Microeconomics                     | 3          | 45              |                |
| 5                | MK203DL01                     | Marketing căn bản                   | Introduction to Marketing          | 3          | 45              |                |
| 6                | Giáo dục quốc phòng - An ninh |                                     | -                                  | 0          | 165             |                |
| 7                |                               | Giáo dục thể chất 1                 |                                    | 1          | 30              |                |
| <b>Tổng cộng</b> |                               |                                     |                                    | <b>12</b>  | <b>360</b>      |                |

**HỌC KỲ 3**

| STT              | MSHP       | Tên học phần<br>tiếng Việt          | Tên học phần<br>tiếng Anh                      | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước                        |
|------------------|------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|------------|-----------------|---------------------------------------|
| 1                | AV012DL01  | Anh văn giao tiếp quốc tế 1         | EIC 1                                          | 0          | 158             |                                       |
| 2                | DC142DL01  | Chủ nghĩa xã hội khoa học           | Scientific Socialism                           | 2          | 30              | DC141DL01_Kinh tế chính trị Mác-Lênin |
| 3                | MIS102DL01 | Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý | Introduction to Management Information Systems | 3          | 45              | -                                     |
| 4                | GS109DL02  | Thống kê kinh doanh                 | Business Statistics                            | 3          | 45              |                                       |
| 5                | BA102DL01  | Kinh tế vĩ mô                       | Macroeconomics                                 | 3          | 45              | BA101DL01_Kinh tế vi mô               |
| 6                |            | Giáo dục thể chất 2                 |                                                | 1          | 30              |                                       |
| <b>Tổng cộng</b> |            |                                     |                                                | <b>12</b>  | <b>353</b>      |                                       |

NĂM 2

#### HỌC KỲ 4

| STT              | MSHP                | Tên học phần<br>tiếng Việt  | Tên học phần<br>tiếng Anh              | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước                        |
|------------------|---------------------|-----------------------------|----------------------------------------|------------|-----------------|---------------------------------------|
| 1                | AV013DL01           | Anh văn giao tiếp quốc tế 2 | EIC 2                                  | 0          | 158             | AV012DL01_Anh văn giao tiếp quốc tế 1 |
| 2                | DC143DL01           | Tư tưởng Hồ Chí Minh        | Ho Chi Minh's Ideology                 | 2          | 30              | DC142DL01_Chủ nghĩa xã hội khoa học   |
| 3                | KT204DL01           | Nguyên lý kế toán           | Introduction to Accounting             | 3          | 45              | -                                     |
| 4                | IB101DL01           | Nhập môn Kinh doanh quốc tế | Introduction to International Business | 3          | 45              | -                                     |
| 5                | MK202DL02           | Hành vi người tiêu dùng     | Consumer Behavior                      | 3          | 45              | MK203DL01_Marketing căn bản           |
| 6                | Giáo dục thể chất 3 |                             |                                        | 1          | 30              |                                       |
| <b>Tổng cộng</b> |                     |                             |                                        | <b>12</b>  | <b>323</b>      |                                       |

#### HỌC KỲ 5

| STT              | MSHP       | Tên học phần<br>tiếng Việt              | Tên học phần<br>tiếng Anh         | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước                        |
|------------------|------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|------------|-----------------|---------------------------------------|
| 1                | DC144DL01  | Lịch sử Đảng CSVN                       | Vietnam Communist Party's History | 2          | 30              | DC143DL01_Tư tưởng Hồ Chí Minh        |
| 2                | AV015DL01  | Anh văn giao tiếp quốc tế 3             | EIC3                              | 0          | 105             | AV013DL01_Anh văn giao tiếp quốc tế 2 |
| 3                | BA303DL01  | Quản trị dự án                          | Project Management                | 3          | 45              | BA104D_Quản trị học                   |
| 4                | TC202DL01  | Tài chính doanh nghiệp                  | Corporate Finance                 | 3          | 45              |                                       |
| 5                | HRM203DL01 | Quản trị nhân sự                        | Human Resource Management         | 3          | 45              | BA104DL01_Quản trị học                |
| 6                | BA307DL01  | Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh | Business Research Methods         | 3          | 45              | GS109D_Thống kê ứng dụng              |
| <b>Tổng cộng</b> |            |                                         |                                   | <b>14</b>  | <b>360</b>      |                                       |

#### HỌC KỲ 6

| STT              | MSHP      | Tên học phần<br>tiếng Việt               | Tên học phần<br>tiếng Anh                      | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước                        |
|------------------|-----------|------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|-----------------|---------------------------------------|
| 1                | AV016DL01 | Anh văn giao tiếp quốc tế 4              | EIC4                                           | 0          | 105             | AV015DL01_Anh văn giao tiếp quốc tế 3 |
| 2                | MK303DL03 | Marketing định hướng dữ liệu             | Data Driven Marketing                          | 3          | 45              | MK202DL02_Hành người tiêu dùng        |
| 3                | DM304DL01 | Dẫn nhập môn Marketing kỹ thuật số       | Introduction to Digital Marketing              | 3          | 45              | MK203DL01_Marketing căn bản           |
| 4                | MK308DL03 | Quản trị truyền thông marketing tích hợp | Integrated Marketing Communications Management | 3          | 45              |                                       |
| 5                |           | Tự chọn Giáo dục khai phóng 1            |                                                | 3          | 45              |                                       |
| <b>Tổng cộng</b> |           |                                          |                                                | <b>12</b>  | <b>285</b>      |                                       |

**NĂM 3**
**HỌC KỲ 7**

| STT              | MSHP      | Tên học phần<br>tiếng Việt             | Tên học phần<br>tiếng Anh   | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước                        |
|------------------|-----------|----------------------------------------|-----------------------------|------------|-----------------|---------------------------------------|
| 1                | AV210DL01 | Anh văn giao tiếp quốc tế 5            | EIC 5                       | 5          | 105             | AV016DL01_Anh văn giao tiếp quốc tế 4 |
| 2                | MK410DL01 | Phân tích dữ liệu Marketing điện tử    | Digital Marketing Analytics | 3          | 45              | MK203DL01_Marketing căn bản           |
| 3                | TT324DL02 | Sáng tạo ý tưởng và viết lời quảng cáo | Ideation and Copywriting    | 3          | 45              |                                       |
| 4                |           | Tự chọn Giáo dục khai phóng 2          |                             | 3          | 45              |                                       |
| <b>Tổng cộng</b> |           |                                        |                             | <b>14</b>  | <b>240</b>      |                                       |

**HỌC KỲ 8**

| STT              | MSHP      | Tên học phần<br>tiếng Việt                | Tên học phần<br>tiếng Anh                           | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước                                                      |
|------------------|-----------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1                | AV211DL01 | Anh văn giao tiếp quốc tế 6               | EIC 6                                               | 5          | 105             | AV210DL01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5                               |
| 2                | DM401DL02 | Tối ưu hoá công cụ tìm kiếm               | Search Engine Optimization                          | 3          | 45              | MK203D_Marketing căn bản & Dẫn nhập môn Digital Marketing DM304DE01 |
| 3                | DM406DL02 | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Marketing | Application of Artificial Intelligence in Marketing | 3          | 45              | MK203DL01_Marketing căn bản                                         |
| 4                | BA302DL01 | Quản trị chiến lược                       | Strategic Management                                | 3          | 45              | BA101DL01_Kinh tế vi mô                                             |
| <b>Tổng cộng</b> |           |                                           |                                                     | <b>14</b>  | <b>240</b>      |                                                                     |

**HỌC KỲ 9**

| STT              | MSHP      | Tên học phần<br>tiếng Việt                           | Tên học phần<br>tiếng Anh                              | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước              |
|------------------|-----------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------|-----------------|-----------------------------|
| 1                | DM308DL03 | Đề án ngành Digital Marketing                        | Digital Marketing Project                              | 3          | 0               | MK203DL01_Marketing căn bản |
| 2                | DM305DL02 | Sáng tạo nội dung trên nền tảng trực tuyến           | Digital Content Creation                               | 3          | 45              | MK203DL01_Marketing căn bản |
| 3                | DM302DL02 | Chiến lược Marketing kỹ thuật số                     | Digital Marketing Strategy                             | 3          | 45              | MK203DL01_Marketing căn bản |
| 4                | DM306DL01 | Quản trị quan hệ khách hàng và chiến lược trực tuyến | E-Customer Relationship Management and Online Strategy | 3          | 45              | MK203DL01_Marketing căn bản |
| <b>Tổng cộng</b> |           |                                                      |                                                        | <b>12</b>  | <b>135</b>      |                             |

**NĂM 4**
**HỌC KỲ 10**

| STT                              | MSHP      | Tên học phần<br>tiếng Việt | Tên học phần<br>tiếng Anh | Tín<br>chỉ | Tổng<br>số tiết | Học phần trước              |
|----------------------------------|-----------|----------------------------|---------------------------|------------|-----------------|-----------------------------|
| <i>Chọn 1 trong 2 hình thức:</i> |           |                            |                           |            |                 |                             |
| 1                                | MK450DL01 | Thực tập tốt nghiệp        | Graduation Internship     | 9          | 0               | Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN |
| 2                                | MK451DL01 | Khóa luận tốt nghiệp       | Graduation Paper          | 9          | 0               | Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN |
| <b>Tổng cộng</b>                 |           |                            |                           | <b>9</b>   | <b>0</b>        |                             |

- Tổng số tín chỉ tích lũy:

120

- Tổng số tín chỉ không tích lũy:

3

**Lưu ý:**

1/ Đối với các Kế hoạch học tập dành cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo Quy định tiếng Anh hiện hành.

2/ Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được sắp xếp tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

**P.Trưởng khoa**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
TS. Đoàn Thị Ngọc Thúy

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

**Giám đốc chương trình**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Trương Quang Vinh

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Thị Việt Nam

